

Tuần 2

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

Môn: Toán

1. Các số có sáu chữ số

Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
			100		(1)
			(100)		(1)
			(100)		(1)
100 000			(100)		(1)
100 000	10 000		(100)		(1)
100 000	10 000	1000	(100)		(1)
100 000	10 000	1000	(100)	10	(1)
4	3	2	5	1	6

Viết số: 432, 516

Đọc số: Bốn trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm mười sáu

2. Hàng và lớp – Triệu và lớp triệu

Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm hợp thành lớp đơn vị

Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn hợp thành lớp nghìn

Hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu hợp thành lớp triệu

2. So sánh các số có nhiều chữ số

a) Trong hai số, số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn. Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn

Ví dụ: So sánh 99578 và 100000

Số 99578 có ít chữ số hơn số 100,000 nên $99578 < 100000$ hay $100000 > 99578$

b) Nếu hai số có cùng số chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng, kể từ trái sang phải

Ví dụ: So sánh 693251 và 693500

Hai số này có số chữ số bằng nhau

Các chữ số hàng trăm nghìn đều bằng 6, hàng chục nghìn đều bằng 9, hàng nghìn đều bằng 3

Đến hàng trăm có $2 < 5$

Vậy: $693251 < 693500$ hay $693500 > 693,251$

c) Nếu hai số có cùng số chữ số và từng cặp chữ số ở cùng một hàng đều giống nhau thì hai số đó bằng nhau

Ví dụ: $999999 = 999999$

PHIẾU BÀI TẬP
Môn: Toán

PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Đánh dấu X vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Số bé nhất có sáu chữ số mà chữ số hàng trăm là 9 và chữ số hàng đơn vị 2 là:

- A. 999 992 B. 111 912 C. 100 902 D. 100 912

b) Số lớn nhất trong các số 34 987; 341 786; 341 768; 413 500 là:

- A. 34 987 B. 341 786 C. 341 768 D. 413 500

c) Số lớn nhất có sáu chữ số là:

- A. 999 999 B. 999 990 C. 999 900 D. 900 000

Câu 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

a) Số gồm 9 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 5 trăm, 8 chục và 5 đơn vị viết là:

.....

b) Số gồm 1 trăm nghìn, 8 trăm, 8 chục và 5 đơn vị viết là:

.....

Câu 3: Điền dấu > ; < ; = vào chỗ chấm:

a) 10 000 9999 b) 284 567 284 560 + 7

c) 99 999 10 000 d) 709 256 800 000

Câu 4: Nối mỗi số với cách viết tổng của số đó:

50274

50000 + 700 + 20 + 4

52074

50000 + 2 000 + 40 + 7

50724

50000 + 200 + 70 + 4

52047

50000 + 2000 + 70 + 4

PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Viết (theo mẫu)

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
345 276	3	4	5	2	7	6	ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi sáu
741 509							
	7	1	9	0	5	4	
							tám trăm linh ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm
							chín trăm chín mươi tư nghìn ba trăm

Câu 2: Tìm x, y:

a) $x - 4956 = 8372$

.....
.....

b) $x + 1536 = 10320$

.....
.....

c) $y \times 9 = 57708$

.....
.....

d) $y : 7 = 1630$

.....
.....

Câu 3. Một tấm bìa hình chữ nhật có diện tích 198 cm^2 , chiều rộng 9 cm . Tính chu vi của tấm bìa hình chữ nhật đó.

Giải

.....
.....(cm)
.....
..... (cm)

Đáp số:cm